

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**  
**Năm báo cáo: 2014**

**I. Thông tin chung:**

*1. Thông tin khái quát:*

- Tên giao dịch: Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS)
- Giấy phép hoạt động kinh doanh số: 12/GPHĐKD
- Vốn điều lệ: 500,000,000,000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 500,000,000,000 đồng.
- Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. HCM.
- Số điện thoại: (08) 38 336 333
- Số fax: (08) 38 333 891
- Website: [www.dag.vn](http://www.dag.vn)

*2. Quá trình hình thành và phát triển:*

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh số 12/GPHĐKD ngày 20/05/2003.

Vốn điều lệ ban đầu của DAS là 21 tỷ đồng, do Ngân hàng TMCP Đông Á sở hữu 100% vốn.

Ngày 05/10/2006, DAS tăng vốn điều lệ lên 135 tỷ đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000059 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 12/05/2008, UBCKNN đã chấp thuận cho DAS tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng, theo Giấy phép số 128/UBCK-GP.

Ngày 22/01/2015 UBCKNN đã chấp thuận cho DAS di dời trụ sở chính đến Tầng 2 và 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2 Quận 3 TpHCM.

*3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

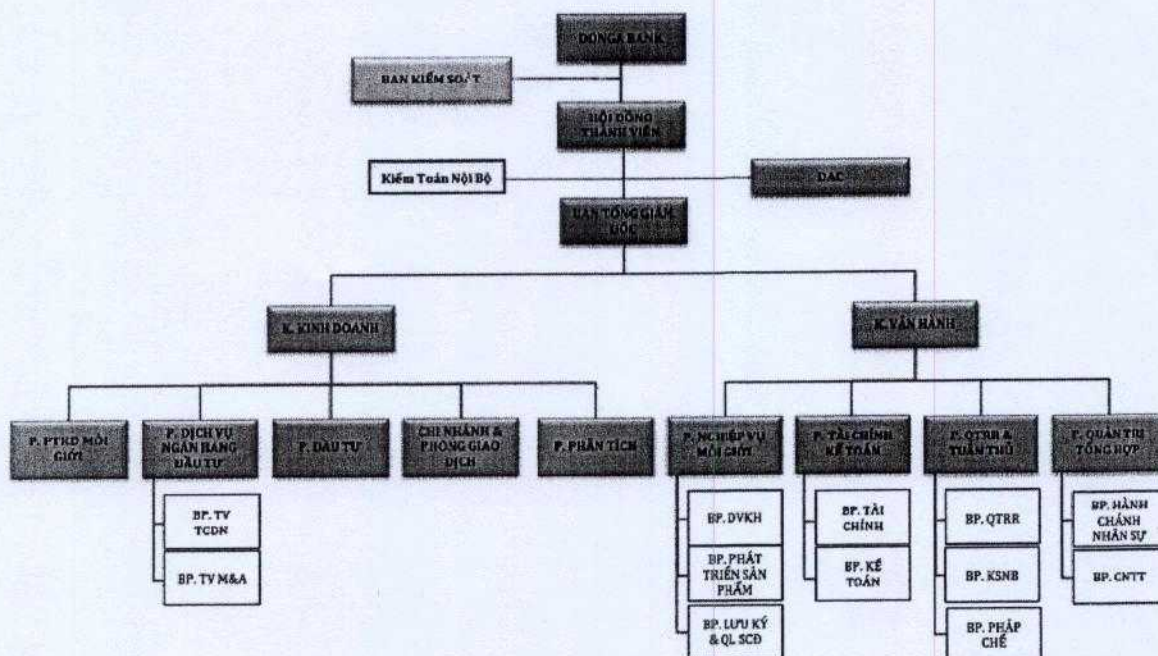
Theo Giấy phép số 128/UBCK-GP, DAS được phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán bao gồm:

- ❖ Môi giới chứng khoán
- ❖ Tự doanh chứng khoán
- ❖ Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- ❖ Tư vấn đầu tư chứng khoán

Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc



4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:



5. Định hướng phát triển:

Với nhận định tình hình thị trường sẽ tiếp tục có những diễn biến tích cực trong năm 2015, Ban lãnh đạo Công ty định hướng sẽ tiếp tục đẩy mạnh mảng Nghiệp vụ Kinh doanh Môi giới, giữ vững thế mạnh của DAS tại mảng Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư, trong khi vẫn tiếp tục tái cấu trúc danh mục đầu tư. Cụ thể:

- Tiếp tục tập trung đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới thông qua việc mở rộng khai thác các lợi thế của công ty. Phát triển đa dạng, phong phú các dịch vụ hỗ trợ, đi kèm với hoạt động môi giới.
- Tiếp tục duy trì thế mạnh truyền thống trong mảng Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư, đẩy mạnh các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, đặc biệt là nghiệp vụ tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.
- Tiếp tục tái cấu trúc mạnh mẽ danh mục đầu tư nhằm thu hồi vốn, phục vụ cho các hoạt động dịch vụ khác tại DAS.

6. Các rủi ro

Năm 2015 tuy có nhiều dự báo khả quan hơn về tình hình kinh tế vĩ mô, cũng như triển vọng của thị trường chứng khoán, nhưng việc dự phòng và đánh giá đầy đủ các yếu tố rủi ro tiềm ẩn vẫn sẽ luôn là điều cần thiết trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh tại các công ty chứng khoán.

– Rủi ro thị trường:

Xu hướng thị trường chứng khoán trong năm 2015 được dự báo sẽ có nhiều chuyển biến tích cực hơn so với năm 2014, do quan điểm tích cực hơn về kinh tế vĩ mô, biên lợi nhuận của các doanh nghiệp cải thiện và chính sách kích thích kinh tế ở một số nền kinh tế phát triển.

Tuy xu hướng thị trường năm 2015 được dự báo khá tích cực, nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung vẫn còn là thị trường khá non trẻ và thường bị tác động mạnh bởi những yếu tố tiêu cực bên ngoài. Như trong năm 2014, sự sụt giảm mạnh và đột ngột từ sự kiện giàn khoan HD981 vào tháng 5/2014 hay như sự giảm giá không phanh của giá dầu thế giới cũng tác động mạnh đến thị trường chứng khoán Việt Nam. Vì vậy, DAS vẫn sẽ tập trung theo sát diễn biến tình hình thị trường và có những phân tích, đánh giá cập nhật xu hướng biến động của thị trường, để có định hướng và chiến lược kinh doanh linh hoạt, phù hợp với từng kịch bản khác nhau có thể xảy ra.

– **Rủi ro hoạt động:**

Do đặc thù ngành, các công ty chứng khoán có thể đối mặt với các rủi ro trong quá trình hoạt động, khi thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh. Các rủi ro này nếu không được kiểm soát hiệu quả có thể gây tổn thất cả về tài chính và uy tín đối với các công ty.

Để hạn chế các rủi ro, DAS rất chú trọng và có sự đánh giá, chọn lọc rất kỹ lưỡng ngay từ khâu đầu vào. Ngoài ra, công ty cũng liên tục đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ của bộ phận chuyên trách quản trị rủi ro, đồng thời thiết lập những quy định phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi bộ phận nhằm quản lý một cách chặt chẽ và hiệu quả các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh của công ty.

– **Rủi ro thanh toán:**

Rủi ro do yếu tố thanh khoản của thị trường đã tiếp tục giảm đáng kể trong năm 2014, cùng với tình trạng ổn định dần của nền tài chính – tín dụng, và quá trình siết chặt quản lý các công ty chứng khoán yếu kém của các cơ quan chuyên ngành.

Thông tư 36 chính thức có hiệu lực ngày 01/02/2015 hướng đến mục tiêu tạo lập khuôn khổ pháp lý mới điều chỉnh toàn diện về giới hạn, hạn chế, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên, trong ngắn hạn thông tư này khả năng sẽ tác động đến dòng tiền vào thị trường chứng khoán. Do vậy DAS sẽ tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, nhằm đảm bảo khả năng thanh toán tốt nhất của công ty. DAS cam kết tuân thủ chặt chẽ các quy định về quản lý tài khoản nhà đầu tư và quy định về xây dựng hệ thống quản trị rủi ro của cơ quan quản lý. Bên cạnh đó, ở góc độ hoạt động kinh doanh của công ty, DAS luôn kiểm soát nghiêm ngặt các nghiệp vụ liên quan, nhằm đảm bảo mức độ an toàn cao nhất cho tài khoản của các nhà đầu tư, cũng như đảm bảo năng lực thanh toán của công ty đối với các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường chứng khoán.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

#### **▪ Hoạt động Môi giới:**

Trong năm 2014, mặc dù những diễn biến bất thường của giá dầu thế giới cùng với những bất ổn trên Biển Đông đã gây ra hậu quả nghiêm trọng cho kinh tế vĩ mô nói chung và chứng khoán nói riêng; tuy nhiên, năm 2014 vẫn được đánh giá là một năm tích cực đối với TTCK Việt Nam nói chung và Chứng khoán Đông Á nói riêng.

Các hoạt động đổi mới công ty của DAS trong năm 2013 bắt đầu phát huy tác dụng, đội ngũ nhân sự chuyên môn hóa, mô hình kinh doanh được chuyên biệt,

chính sách môi giới trở nên hấp dẫn hơn, các quy trình – quy định được nâng cấp và các sản phẩm môi giới đã đáp ứng được yêu cầu đặt ra từ thực tế đồng thời cạnh tranh được với các công ty chứng khoán khác,... Bên cạnh đó, DAS đã chuyển đổi chi nhánh Đông Sài Gòn thành chi nhánh Sài Gòn và chuyển trụ sở về Toà nhà DongA Tower Quận 3 nhằm tập trung vào việc xây dựng và phát triển mô hình kinh doanh tại địa điểm mới. Chính những yếu tố trên đã làm cho doanh thu từ hoạt động môi giới của DAS tăng mạnh so với năm 2013. Bước đệm 2013 đã thực sự hiệu quả và chúng tôi cho rằng năm 2015 DAS sẽ tiếp tục duy trì và phát huy mức tăng trưởng đã đạt được trong năm 2014.

▪ **Hoạt động Đầu tư tự doanh:**

TTCK Việt Nam trong năm 2014 đã trải qua nhiều cơn sóng âm tượng, chỉ số VN-Index đạt đỉnh 640.8 điểm vào thời điểm đầu tháng 9, tương đương mức tăng trưởng hơn 27% so với mức 504.5 điểm vào thời điểm đầu năm. Tuy nhiên, sự ra đời của Thông tư 36 cũng như sự lao dốc của giá dầu thế giới đã ảnh hưởng lớn đến VN-Index, chỉ số này đóng phiên giao dịch cuối năm tại mức 545.6 điểm, tăng 8.2% so với đầu năm.

Thị trường giao dịch của cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) vẫn tiếp tục trong tình trạng gần như bị đóng băng và chưa có dấu hiệu khởi sắc, trừ một số cổ phiếu có kế hoạch niêm yết được sự quan tâm hơn của nhà đầu tư.

Biểu đồ VN Index từ 2/1/2014 đến 31/12/2014



Trong năm 2014, DAS tiếp tục định hướng tái cơ cấu danh mục đầu tư, hoạt động tự doanh cũng đã tranh thủ được các cơ hội hồi phục của thị trường để thực hiện thoái vốn ở các cổ phiếu niêm yết, mang lại nguồn vốn và doanh thu cho Công ty. Trong khi đó, hoạt động thoái vốn danh mục OTC vẫn còn nhiều trở ngại do tính thanh khoản của thị trường và một phần do mức giá chưa phù hợp. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo, trong năm 2014 DAS đã thực hiện chuyển nhượng 1 phần danh mục cổ phiếu OTC. Nhìn chung, hoạt động cơ cấu danh mục cổ phiếu đã đạt nhiều biến chuyển tốt.

▪ **Hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư:**

Việc tập trung đẩy mạnh và đầu tư phát triển hoạt động phân tích đã mang lại những kết quả thiết thực trong năm 2014. Hoạt động phân tích hướng đến các mục

tiêu hàng đầu là đánh giá cơ hội đầu tư và tư vấn đầu tư cho khách hàng Môi giới. Bên cạnh đó, các bài phân tích cũng là tư liệu để xây dựng và hoàn thiện sản phẩm Data web của công ty. Ngoài các bài báo cáo phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô, chiến lược đầu tư, các sản phẩm phân tích còn tập trung phân tích sâu vào các ngành nghề tiềm năng, có nhiều triển vọng như: Dệt may, ô tô, bất động sản, điện năng,... nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu đầu tư đa dạng của khách hàng và phục vụ đặc lực cho hoạt động Tư vấn đầu tư,... Đồng thời, các bộ phận nghiệp vụ cũng tích cực tiếp xúc, gặp gỡ và trao đổi sâu về tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tiềm năng để cung cấp những báo cáo có giá trị tư vấn cho khách hàng.

Việc xây dựng và khai thác tốt cơ sở dữ liệu chứng khoán và dữ liệu vĩ mô cũng đã hỗ trợ đáng kể cho hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư trong năm 2014.

▪ **Dịch vụ Ngân hàng đầu tư:**

Năm 2014, DAS tiếp tục là một trong những công ty dẫn đầu về Dịch vụ Ngân hàng đầu tư với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, có kiến thức sâu rộng; hệ thống mạng lưới khách hàng và đối tác rộng lớn; hướng đến các phương pháp tiếp cận khoa học, hiện đại, phù hợp với quy định pháp luật và thông lệ quốc tế. DAS đã tạo lập niềm tin về chất lượng dịch vụ cho khách hàng khi lựa chọn DAS là đơn vị tư vấn cung cấp các dịch vụ Ngân hàng đầu tư.

Với mục tiêu đảm bảo lợi ích và đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, DAS luôn duy trì chiến lược đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, phù hợp với thị trường Việt Nam như bảo lãnh phát hành, tư vấn tái cấu trúc, tư vấn tài chính, tư vấn cổ phần hóa, M&A,... Một số dự án tiêu biểu DAS thực hiện trong năm 2014 như:

- DAS đã ký kết và triển khai thực hiện một số hợp đồng tư vấn M&A với Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Quận 3, Công ty Onshine Investment Limited, Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải STS,...

- Hoàn thành việc tư vấn thoái vốn của SCIC tại 16 công ty cổ phần trong khu vực Đông và Tây Nam Bộ.

- Tư vấn phát hành ra công chúng thành công cho một số doanh nghiệp, điển hình như: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ, Red River Holding,...

- Đang thực hiện tư vấn tái cấu trúc, tư vấn quản trị một số công ty, điển hình như: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè, Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình,...

- Đang thực hiện tư vấn niêm yết cổ phiếu cho một số công ty như Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam, Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ,...

- Trong năm 2014, DAS vinh dự tiếp tục là công ty chứng khoán được Bộ Tài chính cấp phép thực hiện nghiệp vụ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. DAS tiếp tục cung cấp dịch vụ tư vấn định giá, cổ phần hóa và IPO cho hầu hết các doanh nghiệp do UBND Tp.HCM quản lý và các doanh nghiệp thuộc địa phương, bộ ngành khác ví dụ như: Công ty TNHH MTV Hoi Kỹ nghệ Que hàn (Thuộc Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam); Công ty TNHH MTV Cấp nước Phú Yên (thuộc UBND Tỉnh Phú Yên), Công ty TNHH MTV Dịch vụ Vận tải Khánh Hòa (thuộc UBND Tỉnh Khánh Hòa), Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Huế (thuộc UBND tỉnh Thừa Thiên Huế), Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô

thị Thành phố Đà Lạt (thuộc UBND tỉnh Lâm Đồng), Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Mỹ Tho (thuộc UBND Tỉnh Tiền Giang),... Năm 2014, DAS đã cố gắng mở rộng thị phần ra một số tỉnh khác như Huế, Đà Lạt, Tiền Giang.

Năm 2015, DAS sẽ tiếp tục vươn lên khẳng định vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

▪ **Hoạt động Lưu ký chứng khoán và Quản lý sổ cổ đông:**

Trong năm 2014 Bộ phận Lưu ký & Quản lý sổ cổ đông đã hoàn thành tốt kế hoạch đề ra và các nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt các nghiệp vụ quan trọng một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả như lưu ký cổ phiếu, đăng ký quyền mua cổ phiếu, chuyển quyền sở hữu, thành toán bù trừ chứng khoán, cập nhật thông tin quyền kịp thời đến với nhà đầu tư,... góp phần tích cực vào việc nắm bắt thông tin duy trì vận hành an toàn và ổn định thông suốt hệ thống giao dịch chứng khoán của Công ty.

Tuy năm 2014 là một năm mà nền kinh tế có những khó khăn nhất định nhưng bộ phận Lưu Ký và Quản lý sổ cổ đông của công ty đã cố gắng nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý cho khách hàng một cách tốt nhất, góp phần đem lại doanh thu của Công ty trong năm là hơn 2.1 tỷ đồng.

Ngoài ra, DAS đã phối hợp với VSD thực hiện thành công việc chuyển quyền sở hữu không qua hệ thống giao dịch cho các nhà đầu tư của Hoàng Quân Mê Kông (HQM) và Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn (SFC) với số lượng cổ phiếu khá nhiều.

2. *Tổ chức và nhân sự:*

2.1. *Danh sách Ban điều hành:*

❖ **Ông Bùi Việt – Tổng Giám đốc**

Từ năm 2002 đến nay:

- Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á
- Thành viên HĐQT CTCP Bến xe Miền Tây
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Bến Thành
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Phú Hòa Tân
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Nhà Bè
- Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư – Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn
- Phó Chủ tịch HĐQT CTCP In và Thương mại Vina
- Ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội kinh doanh Chứng khoán Việt Nam
- Ủy viên Một số Hội đồng khoa học về Tài chính và Chứng khoán của T.P Hồ Chí Minh
- Giảng viên Trung tâm Đào tạo Chứng khoán Việt Nam

Từ năm 2000 đến năm 2002: Trưởng bộ phận Quản lý danh mục đầu tư Việt Nam – Lào – Campuchia, Tập đoàn Tài chính Quốc tế IFC, thuộc Ngân hàng Thế giới (WB).

Từ năm 1999 đến năm 2000: Trưởng bộ phận Hợp tác kinh doanh với các định chế tài chính, Ngân hàng Citibank tại Việt Nam.

Từ năm 1988 đến năm 1994: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Điện tử Sài Gòn.

❖ **Bà Trương Nguyễn Thiên Kim – Phó Tổng Giám đốc**

Từ năm 2007 đến nay:

- Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Giám đốc Tài chính doanh nghiệp Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Bến Thành
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Gia Định
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Phú Hòa Tân
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Nhà Bè
- Trưởng BKS CTCP In và Thương mại Vina

Từ năm 2007 đến năm 2012: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Từ năm 2006 đến nay: Thành viên BKS CTCP Bến xe miền Tây

Từ năm 2004 đến năm 2007: Trưởng khối Dự án - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2003 đến năm 2004: Phụ trách kế toán - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2000 đến năm 2003: Chuyên viên kế toán - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt; Đại diện giao dịch Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Từ năm 1998 đến năm 2000: Kế toán - Công ty May Xuất Nhập khẩu Chợ Lớn

Từ năm 1997 đến năm 1998: Nhân viên Nghiên cứu thị trường – Công ty BDT & Associates Market Research

Từ năm 1996 đến năm 1997: Nhân viên Kiểm soát Chất lượng, Phòng vận viên - Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học kinh tế Cesais-Trường Đại học Kinh tế T.P Hồ Chí Minh.

❖ **Ông Phạm Thái Bình – Phó Tổng Giám đốc**

Từ 2014 đến nay:

- Phó Tổng Giám đốc, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Thành viên HĐQT CTCP Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa sinh
- Thành viên BKS CTCP Cấp nước Nhà Bè.

Từ năm 2013 đến 2014:

- Phó ban Dự án “Đổi mới Công ty Chứng khoán Đông Á và Công ty Quản lý quỹ Đông Á”
- Quản lý chiến lược - Ủy ban Xây dựng và Thực hiện Chiến lược, Ngân hàng TMCP Đông Á.

Từ năm 2011 đến năm 2013: Trưởng phòng Nghiên cứu và Phân tích, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina.

Từ năm 2010 đến năm 2011: Giám đốc Đầu tư, TIM Investment and Management Consulting.

Từ năm 2008 đến năm 2010: Quản trị viên tập sự, Ngân hàng OCBC – Singapore.

Từ năm 2006 đến năm 2008: Chuyên viên phân tích dữ liệu, Global Foundries – Singapore.

❖ **Bà Võ Thị Minh Ngân – Kế toán trưởng**

Từ tháng 11 năm 2014 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2009 đến năm 2014: Kế toán trưởng Công ty Quản lý quỹ Đông Á

Từ năm 2006 đến năm 2009: Phụ trách Kế toán - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2004 đến năm 2006: Kế toán trưởng - Công ty TNHH XD - DV An Thiên Lý

❖ **Bà Trần Thụy Kim Ly – Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn**

Từ năm 2015 đến nay: Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2012 đến năm 2014: Phó Giám đốc Phát triển Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2010 đến năm 2012: Trưởng nhóm Phát triển Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2009 đến năm 2010: Chuyên viên chính bộ phận Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2007 đến năm 2009: Chuyên viên bộ phận Môi Công ty - Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2006 đến năm 2007: Nhân viên nghiệp vụ bộ phận Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2005 đến năm 2006: Nhân viên bộ phận Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2004 đến năm 2005: Thư ký tại Công ty TNHH MTV Liên Minh

❖ **Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Phó Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn**



Từ năm 2015 đến nay: Phó Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2012 đến năm 2014: Phó Giám đốc Dịch vụ khách hàng - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2010 đến năm 2012: Trưởng nhóm Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2009 đến năm 2010: Chuyên viên chính bộ phận Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2008 đến năm 2009: Chuyên viên bộ phận Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2007 đến năm 2008: Chuyên viên bộ phận Kế toán - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2005 đến năm 2007: Nhân viên nghiệp vụ bộ phận Kế toán - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2004 đến năm 2005: Thư ký kế toán tại Sheraton Hotels & Tower

❖ **Bà Nguyễn Văn Giang – Giám đốc Chi nhánh Hà Nội**

Từ năm 2014 đến nay: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2012 đến năm 2014: Trưởng nhóm Nghiệp vụ Môi giới Chi nhánh Hà Nội - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2007 đến năm 2012: Chuyên viên Môi giới Chi nhánh Hà Nội - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2006 đến năm 2007: Nhân viên Kế toán - Công ty Coustruction & Engineering Ghoulting.

Từ năm 2002 đến năm 2004: Nhân viên Kế toán - Công ty IDP Education Australia (VN)

❖ **Bà Đặng Ái Vân – Phó phòng Nghiệp vụ Môi giới**

Từ năm 2015 đến nay: Phó phòng Nghiệp vụ Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2007 đến năm 2014: Trưởng nhóm Lưu ký - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2004 đến năm 2006: Nhân viên Lưu ký - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

❖ **Bà Dương Thúy An – Phó phòng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư**

Từ tháng 05/2015 đến nay: Phó phòng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2014 đến tháng 04/2015: Trưởng Bộ phận Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2011 đến năm 2014: Trưởng nhóm Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2009 đến năm 2011: Chuyên viên Nghiệp vụ Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.

Từ năm 2006 đến năm 2009: Nhân viên Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.

## 2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Miễn nhiệm Chức danh Giám đốc Chi nhánh Hà Nội đối với Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh từ ngày 21/2/2014.
- Bổ nhiệm Bà Trương Nguyễn Thiên Kim giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 21/02/2014.
- Bổ nhiệm Ông Phạm Thái Bình giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 21/2/2014.
- Bổ nhiệm Bà Nguyễn Văn Giang giữ chức vụ Giám Đốc Chi nhánh Hà Nội từ ngày 21/02/2014.
- Bổ nhiệm Ông Đào Duy Hải giữ chức vụ Trưởng phòng Quản trị Rủi ro và Tuân thủ từ ngày 24/1/2014, nghỉ việc từ ngày 28/08/2014.
- Bổ nhiệm Bà Trần Thụy Kim Ly giữ chức vụ Phó phòng Phát triển Kinh doanh Môi giới từ ngày 21/02/2014.
- Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hà Linh giữ chức vụ Phó phòng Nghiệp vụ Môi giới từ ngày 21/02/2014 đến 20/02/2015
- Bổ nhiệm Chức danh Giám đốc Chi nhánh Đông Sài Gòn đối với Ông Mai Vũ Thảo từ ngày 21/02/2014.
- Miễn nhiệm Chức danh Giám đốc Chi nhánh Đông Sài Gòn đối với Ông Mai Vũ Thảo từ ngày 01/04/2014.
- Miễn nhiệm Chức danh Giám đốc Phát triển sản phẩm Môi giới đối với Ông Lý Thanh Nhã từ ngày 15/3/2014.
- Bổ nhiệm Ông Hoàng Gia Nam giữ chức vụ Giám Đốc Chi nhánh Đông Sài Gòn từ ngày 1/4/2014 đến 31/12/2014.

## 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 79 người (năm 2013 là 77 người).

Để thực hiện định hướng phát triển bền vững, DAS luôn khuyến khích và hỗ trợ CBNV trong việc nâng cao kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin thường xuyên liên tục để phục vụ tốt nhất cho công việc. Các nhân viên nghiệp vụ đều được trang bị đầy đủ kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán, và được UBCKNN cấp chứng chỉ hành nghề. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ để phát huy kỹ năng giao tiếp, tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề cho CBNV.

Song song với công tác đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, Công ty cũng rất chú trọng việc phổ biến các giá trị cốt lõi của DongA Bank kết hợp với các đặc trưng văn hóa của Công ty nhằm đạt được mục tiêu chung của tập đoàn.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á (DAC): là công ty thành viên, DAS sở hữu 100% vốn.

- Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
- Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á đang tạm ngưng hoạt động kể từ ngày 23/01/2015 đến ngày 23/01/2016 theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 59/QĐ-UBCK ngày 23/01/2015 về việc tạm ngừng hoạt động của công ty quản lý quỹ.

### 4. Tình hình tài chính

#### 4.1. Tình hình tài chính

Đvt: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	622,094,953,534	437,196,050,653	-29.7%
Doanh thu thuần	43,258,139,710	61,269,228,038	41.6%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(28,788,611,069)	(184,649,800,367)	-
Lợi nhuận khác	122,368,199	15,454,545	-87.4%
Lợi nhuận trước thuế	(28,666,242,870)	(184.634.345.822)	-
Lợi nhuận sau thuế	(28,666,242,870)	(184.634.345.822)	-

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2.79	2.17	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	2.79	2.17	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.25	0.35	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.33	0.55	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.07	0.14	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-66.27%	-301.35%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-6.13%	-65.31%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-4.61%	-42.23%	
+ Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	-66.55%	-301.37%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) do Ngân hàng TMCP Đông Á sở hữu 100% vốn.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2014, nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực:

- Tốc độ tăng trưởng GDP 2014 nhờ việc tập trung tăng trưởng xuất khẩu đã đạt 5.9% (kế hoạch đặt ra 5.8%), tăng so với mức tăng 5.4% của GDP năm 2013;
- Chỉ số giá tiêu dùng cả năm tăng 1.84% so với 2013 (thấp hơn nhiều so với mức lạm phát mục tiêu đặt ra của Chính phủ là 5.0%),
- Tỷ giá trong tầm kiểm soát tốt, tăng 1.0% trong năm 2014, mặt bằng lãi suất giảm mạnh và dần ổn định ở mức 6.0%/năm;
- Các giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô, tái cấu trúc nền kinh tế được triển khai đồng bộ và đang dần phát huy hiệu quả.

Cùng với những chuyển biến tích cực của nền kinh tế, thị trường chứng khoán Việt Nam đã khởi sắc trong năm và khép lại với những nổi bật như sau:

- TTCK có sự tăng trưởng và xác lập mặt bằng giá mới vững chắc: xét chung cả năm 2014, VN-Index đã tăng 8.1%, HNX-Index đã tăng 22.3% so với cuối năm 2013, thời điểm cao nhất VN-Index đã tăng gần 27.0% và HNX-Index đã tăng 37.1%.

	Ngày 31/12/2013	Ngày 31/12/2014	Cao nhất	Thấp nhất
<b>VN-Index</b>	504.63	545.63	640.75	504.63
<b>HNX-Index</b>	67.84	82.98	92.99	57.61

	Tăng trưởng		
	Cả năm	Cao nhất	Thấp nhất
<b>VN-Index</b>	8.12%	26.97%	0.00%
<b>HNX-Index</b>	22.32%	37.07%	-15.08%

- Huy động vốn trên TTCK tiếp tục duy trì ở mức cao: tính đến thời điểm 31/12/2014, toàn thị trường đã có 1,240 loại chứng khoán niêm yết. Vốn hóa toàn

thị trường (tại ngày 08/12/2014) là 1,156 nghìn tỷ đồng, tăng 21.7% so với 2013 và tương đương 32.2% GDP. Tổng giá trị huy động vốn trên TTCK năm qua đạt 237 nghìn tỷ đồng, tăng 6.0% so với cùng kỳ và góp 27.1% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (trong đó vốn huy động từ Trái phiếu Chính Phủ là 214 nghìn tỷ đồng – tương đương 90.0% tổng vốn huy động);

	Doanh nghiệp niêm yết	Chứng chỉ quỹ đóng	Chứng chỉ quỹ ETF	Trái phiếu niêm yết
Số lượng	671	01	01	567
Giá trị	425 nghìn tỷ đồng			N/A
Tăng trưởng so với 2013	19%			N/A
HOSE chiếm	78.19%			
HNX chiếm	21.81%			
Vốn hóa toàn thị trường (ngày 08/12/2014)	1,156 nghìn tỷ đồng			

- Các sản phẩm mới bước đầu triển khai: Bên cạnh triển khai quỹ ETF Việt Nam, các sản phẩm mới đang được nghiên cứu phát triển gồm Quỹ hưu trí tự nguyện và Quỹ hưu trí bổ sung; đồng thời, Thủ tướng Chính Phủ đã phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển Thị trường chứng khoán phái sinh tại Quyết định 366/QĐ-TTg ngày 11/03/2014. Đây là bước tiến mới trong việc tạo ra hành lang pháp lý, quản lý rủi ro cho việc triển khai sản phẩm mới tăng sức hấp dẫn của TTCK VN cũng như góp phần đưa TTCK VN đến tầm cao mới;
- Tái cấu trúc TTCK VN đạt kết quả tốt đẹp: việc tái cấu trúc theo tiêu chuẩn an toàn tài chính, phân loại CTCK yếu kém để tiến hành sáp nhập, giải thể, hợp nhất CTCK đã làm giảm số lượng CTCK thua lỗ từ 60% xuống còn 20% trong năm qua, số lượng CTCK bị đình chỉ, sáp nhập, hợp nhất, giải thể là 20 công ty. UBCK tiếp tục phân loại CTCK theo quy chế CAMEL để tiếp tục theo dõi và tiến hành tái cấu trúc trong thời gian tới;
- Đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước gắn liền với niêm yết: Năm 2014, với việc TTCP ban hành Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 về CPH DNNN, thoái vốn gắn với niêm yết, đồng thời cho phép cơ chế DNNN được thoái vốn dưới mệnh giá và giá trị sổ sách đã tạo sự linh hoạt trong việc cải cách sắp xếp DNNN, góp phần hỗ trợ công tác huy động vốn, nâng cao sức cạnh tranh, tạo sự minh bạch của doanh nghiệp.

Trong năm vừa qua, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) tiếp tục công tác tái cấu trúc và đã mang lại những kết quả rất đáng ghi nhận. Bộ phận kinh doanh được gắn thu nhập với doanh thu mang lại cho Công ty, bộ phận vận hành được sắp xếp lại và chuẩn hóa, hỗ trợ cho việc đẩy mạnh kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt giữa các công ty chứng khoán khác và nâng cao quản trị rủi ro trong hoạt động của Công ty.

DAS vinh dự tiếp tục được Bộ Tài chính cấp phép thực hiện nghiệp vụ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, tiếp tục khẳng định vị thế DAS là công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp nói riêng và nghiệp vụ ngân hàng

đầu tư nói chung. Đồng thời, đây cũng là điều kiện thuận lợi để DAS triển khai dịch vụ tư vấn cổ phần hóa cho các doanh nghiệp Nhà nước khi Chính phủ quyết liệt đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa các Tổng Công ty, Tập đoàn lớn trong năm 2015.

Một số thành tựu nổi bật trong năm 2014:

- Tái cấu trúc về mặt hoạt động, ổn định và tinh gọn cơ cấu tổ chức, nhân sự;
- Rà soát việc sử dụng hiệu quả chi phí;
- Chuẩn hóa và đẩy mạnh các mảng hoạt động kinh doanh chính (Môi giới, IB...);
- Hệ thống hóa các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ phù hợp để phát triển các hoạt động kinh doanh chính;
- Ổn định nguồn vốn hỗ trợ các hoạt động ứng trước trực tuyến, Margin;
- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị rủi ro trong hoạt động.

## 2. Tình hình tài chính:

### 2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản năm 2014 của DAS đạt hơn 437 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 76.6% với giá trị gần 335 tỷ đồng.

Tổng tài sản trong năm 2014 giảm 29.7 % so với cùng kỳ năm 2013, từ 622 tỷ đồng xuống còn hơn 437 tỷ đồng. Trong đó, tài sản dài hạn giảm từ 190.6 tỷ đồng xuống còn 102.2 tỷ đồng, tương đương giảm 46.3%, tài sản ngắn hạn giảm từ 431.4 tỷ đồng xuống 335 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 22.3%. Nguyên nhân chủ yếu là do các khoản đầu tư giảm đáng kể 47.3%, từ hơn 382 tỷ đồng xuống còn 201.5 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2014.

### 2.2. Tình hình nợ phải trả:

Kết thúc năm 2013, nợ phải trả của DAS còn gần 155 tỷ đồng, hầu như không đổi so với nợ phải trả năm 2013, chiếm khoảng 35% tổng nguồn vốn. Công ty hoàn toàn không có vay nợ ngắn hạn và dài hạn, các khoản nợ đơn thuần chỉ xuất phát từ hoạt động kinh doanh chính.

## 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

### 3.1. Tình hình kinh tế vĩ mô:

Với định hướng tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng để tiếp tục tái cơ cấu nền kinh tế theo chiều hướng sâu hơn trong năm 2015, Chính phủ nhiều khả năng sẽ vẫn duy trì chính sách tài khóa và tiền tệ theo chiều hướng thận trọng và linh hoạt. Có ba động lực chính đến từ xuất khẩu, tiêu dùng hộ gia đình và đầu tư tư nhân có thể sẽ giúp GDP của Việt Nam đạt mức tăng trưởng cao hơn trong 2015.

Thứ nhất, khu vực kinh tế FDI và xuất khẩu được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt nhờ những cơ hội do hội nhập mang lại. Về xuất khẩu, năm 2015 được hứa hẹn sẽ mang đến nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam do thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta là Mỹ (chiếm 20%) dự kiến vẫn có mức tăng trưởng kinh tế tốt (Ngân hàng Thế giới dự báo GDP của Mỹ tăng trưởng 3.2% trong năm 2015). Quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với việc hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và một loạt các FTA được ký kết (FTA với Hàn Quốc, FTA với EU và xa hơn nữa là TPP), xuất khẩu của Việt Nam là một điểm sáng cho kinh tế Việt Nam trong năm 2015.

Thứ hai, tiêu dùng hộ gia đình cũng có thể sẽ phục hồi mạnh hơn khi khủng hoảng kinh tế dần lùi xa. Dự kiến trong năm 2015 mặt bằng giá cả các mặt hàng lương thực - thực phẩm tiếp tục ổn định, và đồng thời giá mặt hàng xăng dầu liên tục được điều chỉnh giảm cùng xu hướng tăng dần của thu nhập, người tiêu dùng được dự báo sẽ tăng chi tiêu, đóng góp lớn hơn vào mức tăng trưởng GDP chung.

Thứ ba, khu vực đầu tư tư nhân cũng có thể khởi sắc hơn trong năm 2015. Niềm tin vào triển vọng tăng trưởng kinh tế cao hơn, mặt bằng lãi suất ở mức thấp hơn, tình hình lạm phát, tỷ giá ổn định, thị trường tiêu thụ được mở rộng nhờ hội nhập và những cải cách mới đây về khuôn khổ pháp lý như Luật Doanh nghiệp sửa đổi, Luật Kinh doanh Bất động sản sửa đổi... sẽ là những nhân tố kích thích các doanh nghiệp tư nhân mạnh dạn vay vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh trở lại.

Tuy nhiên cũng không thể loại trừ khả năng chi tiêu của Chính phủ có thể sẽ sụt giảm do tác động tiêu cực của việc giá dầu thô giảm ảnh hưởng đến ngân sách quốc gia.

Xu hướng thị trường chứng khoán trong năm 2015 được dự báo sẽ có nhiều chuyển biến tích cực hơn so với năm 2014, do quan điểm tích cực hơn về kinh tế vĩ mô, biên lợi nhuận của các doanh nghiệp cải thiện và chính sách kích thích kinh tế ở một số nền kinh tế phát triển.

### *3.2. Định hướng của DAS:*

DAS sẽ tập trung đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới thông qua việc mở rộng khai thác các lợi thế về công nghệ, nhân sự, nguồn vốn, trình độ quản lý, cũng như sự hậu thuẫn từ ngân hàng mẹ, DongA Bank.

Phát triển đa dạng, phong phú các dịch vụ hỗ trợ, đi kèm với hoạt động môi giới, nhằm gia tăng các tiện ích cho khách hàng.

Duy trì hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro, nhằm đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý, đồng thời kiểm soát được mức độ rủi ro cùng với quá trình mở rộng hoạt động kinh doanh của công ty.

Tiếp tục duy trì thế mạnh truyền thống trong nghiệp vụ ngân hàng đầu tư nhằm mở rộng các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp như tư vấn phát hành, niêm yết chứng khoán, và đặc biệt là nghiệp vụ tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nhằm tiếp tục đón đầu chủ trương đẩy mạnh công tác cổ phần hóa trong thời gian tới của Chính phủ.

#### **IV. Báo cáo tài chính**

##### *1. Ý kiến kiểm toán*

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của công ty chứng khoán

##### *Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:*

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận của các khoản đầu tư của Công ty vào cổ phiếu chưa niêm yết với tổng số tiền là 40.003.991.000 đồng. Công ty cũng chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này do không có thông tin về tình hình tài chính và hoạt động của các công ty này. Với tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng để xác định tính hiện hữu và số dự phòng giảm giá cần phải trích lập theo quy định hiện hành. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- (ii) Như được trình bày ở Thuyết minh số 6.3, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty có khoản đầu tư vào một cổ phiếu chưa niêm yết với số tiền là 23.000.000.000 đồng và đã trích dự phòng với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa hoàn tất việc đối chiếu số dư khoản đầu tư này với công ty được đầu tư. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng về sự hiện hữu và số dự phòng giảm giá cần phải trích lập theo quy định hiện hành. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	3	4
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>334.939.433.642</b>	<b>431.449.796.468</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>71.969.864.774</b>	<b>119.710.253.470</b>
1. Tiền	111		71.969.864.774	88.410.253.470
2. Các khoản tương đương tiền	112			31.300.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.04</b>	<b>109.510.310.702</b>	<b>202.183.433.852</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		147.208.005.178	218.943.518.122
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn (*)	129		(37.697.694.476)	(16.760.084.270)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.11</b>	<b>152.749.269.963</b>	<b>108.421.674.659</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		1.681.434.580	518.932.940
2. Trả trước cho người bán	132		149.420.205	100.950.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		156.488.417.540	112.266.501.340
5. Các khoản phải thu khác	138		5.106.677.638	111.010.379
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(10.676.680.000)	(4.575.720.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.02</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>709.988.203</b>	<b>1.134.434.487</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		212.471.474	603.777.758
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		460.438.229	460.438.229
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		37.078.500	70.218.500
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>102.256.617.011</b>	<b>190.645.157.066</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>V.11</b>		
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.135.019.068</b>	<b>3.583.799.608</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	249.771.456	581.493.608
- Nguyên giá	222		15.716.076.811	15.789.491.532

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.466.305.355)	(15.207.997.924)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	1.885.247.612	3.002.306.000
- Nguyên giá	228		14.856.019.704	14.856.019.704
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(12.970.772.092)	(11.853.713.704)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>92.048.166.816</b>	<b>179.931.790.616</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		89.912.045.756	98.322.223.756
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		89.912.045.756	98.322.223.756
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
4. Đầu tư dài hạn khác	258	V.04	40.791.796.000	60.099.653.568
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(68.655.674.940)	(8.490.086.708)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.073.431.127</b>	<b>7.129.566.842</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	278.183.492	751.994.403
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.09	0	
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	7.795.247.635	6.342.100.439
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	35.472.000
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>437.196.050.653</b>	<b>622.094.953.534</b>
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>154.496.025.973</b>	<b>154.758.183.032</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>154.496.025.973</b>	<b>154.758.183.032</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		590.429.546	112.611.923
3. Người mua trả tiền trước	313		2.333.662.000	2.101.162.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	1.474.354.103	992.657.378
5. Phải trả người lao động	315			579.289.040
6. Chi phí phải trả	316	V.12	17.082.000	17.082.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	450.026.786	49.168.063.024
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		146.544.177.331	88.268.230.362
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		2.569.487.944	12.907.817.405

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		516.806.263	549.906.263
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			61.363.637
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.14		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.09		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359			
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>282.700.024.680</b>	<b>467.336.770.502</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.139.071.388	3.139.071.388
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.902.712.768	8.902.712.768
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		17.534.075.535	17.536.475.535
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(246.875.835.011)	(62.241.489.189)
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>437.196.050.653</b>	<b>622.094.953.534</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>61.269.228.038</b>	<b>43.258.139.710</b>
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		25.070.338.192	18.069.433.176
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		7.755.513.263	4.529.100.620
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		1.447.441.200	0
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		363.154.825	190.694.364
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		8.385.170.767	4.601.383.778
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		2.291.785.841	1.701.446.181
- Doanh thu khác	01.9		15.955.823.950	14.166.081.591
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>61.269.228.038</b>	<b>43.258.139.710</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		171.099.604.651	62.426.220.036
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(109.830.376.613)</b>	<b>(19.168.080.326)</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		74.819.423.754	9.620.530.743
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(184.649.800.367)</b>	<b>(28.788.611.069)</b>
8. Thu nhập khác	31		15.454.545	690.862.296
9. Chi phí khác	32		0	568.494.097
10. Lợi nhuận khác	40		15.454.545	122.368.199
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(184.634.345.822)</b>	<b>(28.666.242.870)</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.1		0
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.2		0
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(184.634.345.822)</b>	<b>(28.666.242.870)</b>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		106.300.001.668	199.156.056.131
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(32.857.167.037)	(151.293.351.450)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05		(134.977.444)	(1.113.116.205)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		66.028.455.818	113.514.307.116
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(109.760.743.839)	(103.438.379.203)
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08		-	-
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09		-	-
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(5.842.431.931)	(23.527.351.372)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11		(13.927.864.313)	(15.320.253.607)
10. Tiền chi trả lãi vay	12		-	(314.260.710)
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13		-	-
12. Tiền thu khác	14		279.563.845	15.850.282.885
13. Tiền chi khác	15		(44.497.843.659)	(2.738.164.461)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(34.413.006.892)</b>	<b>30.775.769.124</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(242.999.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	690.862.296
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(99.627.571.556)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.537.500.000	72.542.631.556
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.833.335.121	2.691.488.630

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		4.370.835.121	(23.945.588.074)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(27.006.358.778)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-	(27.006.358.778)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		(30.042.171.771)	(20.176.177.728)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		31.894.014.121	52.070.191.849
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	VII.34	1.851.842.350	31.894.014.121

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2014

## I. Đặc điểm hoạt động của công ty

- 1 - Hình thức sở hữu vốn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- 2 - Lĩnh vực kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Lưu ký chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn đầu tư, Tư vấn tài chính, Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- 3 - Tổng số nhân viên và người lao động: 79 người
- 4 - Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không có

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 - Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm)
- 2 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: các đồng tiền khác phát sinh phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

## III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

- 1 - Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ Công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- 2 - Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:
- 3 - Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

- 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các đồng tiền khác phát sinh phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- 2- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu vô hình, thuê tài chính):

+ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Ghi nhận theo nguyên giá. Trong Bảng Cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại

+ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính: Ghi nhận theo nguyên giá thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

+ Phương pháp khấu hao TSCĐ: áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

- 3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con;
- Các khoản vốn góp liên doanh;
- Các khoản đầu tư chứng khoán: Ghi nhận theo giá gốc
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Ghi nhận theo giá gốc
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

- 4- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước: được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh
- Chi phí khác:

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phương pháp đường thẳng
- 5- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.
- 6- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.
- 7- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:
- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay.

- 8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu
- 9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại

- 10- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

<b>01. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Tiền mặt	23.660.641	12.636.807
- Tiền gửi ngân hàng	71.936.074.771	119.664.230.953
Trong đó:		
+ Tiền gửi của nhà đầu tư	70.118.641.297	87.859.347.663
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	1.618.564	1.609.421
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	8.510.798	31.776.289
<b>Cộng</b>	<b>71.969.864.774</b>	<b>119.710.253.470</b>
	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>02. Hàng tồn kho</b>		
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Công cụ, dụng cụ		
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

\* Thuyết minh số liệu và giải trình khác (nếu có):



**03. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ:**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</b>	<b>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</b>
<b>a) Cửa công ty chứng khoán</b>	<b>1.650.237</b>	<b>32.118.471.800</b>
- Cổ phiếu	1.650.237	32.118.471.800
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác		
<b>b) Cửa nhà đầu tư</b>	<b>1.075.101.017</b>	<b>14.193.622.308.600</b>
- Cổ phiếu	1.075.017.247	14.192.785.282.600
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác	83.770	837.026.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.076.751.254</b>	<b>14.225.740.780.400</b>

**04. Tình hình đầu tư tài chính**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị theo sổ kế toán</b>	<b>So với giá thị trường</b>		<b>Tổng giá trị theo giá thị trường</b>	<b>Ghi chú</b>
			<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>		
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>10.371.201</b>	<b>147.208.005.178</b>				
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>4.564.084</b>	<b>89.912.045.756</b>				
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	4.564.084	89.912.045.756				
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-				
<b>III. Đầu tư góp vốn</b>		<b>30.000.000.000</b>				
- Đầu tư vào công ty con	-	30.000.000.000				
- Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-				
<b>IV. Đầu tư tài chính khác</b>	<b>1.511.700</b>	<b>40.791.796.000</b>				

**05. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
Số dư đầu năm	1.325.552.000	745.181.746	4.160.802.434	9.158.496.780	399.458.572	15.789.491.532
- Mua trong kỳ				0		0
- Đầu tư XDCB hoàn thành						0
- Tăng khác				0		0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						0
- Thanh lý, nhượng bán		0	0	73.414.721		73.414.721
- Giảm khác	0	0	0		0	0
Số dư cuối kỳ	1.325.552.000	745.181.746	4.160.802.434	9.085.082.059	399.458.572	15.716.076.811
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						0
Số dư đầu năm	1.215.401.000	640.641.904	4.160.802.434	8.859.315.714	331.836.872	15.207.997.924
- Khấu hao trong kỳ	35.736.000	70.650.477	0	194.589.675	30.746.000	331.722.152
- Tăng khác						0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						0
- Thanh lý, nhượng bán		0	0	73.414.721		73.414.721
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ	1.251.137.000	711.292.381	4.160.802.434	8.980.490.668	362.582.872	15.466.305.355
<b>Giá trị còn lại</b>						0
- Tại ngày đầu năm	110.151.000	104.539.842	0	299.181.066	67.621.700	581.493.608
- Tại ngày cuối kỳ	74.415.000	33.889.365	0	104.591.391	36.875.700	249.771.456

**06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>						
Số dư đầu năm				8.236.938.944	6.619.080.760	14.856.019.704
- Mua trong kỳ						0
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						0
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						0
- Tăng khác						0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác						0
Số dư cuối kỳ				8.236.938.944	6.619.080.760	14.856.019.704
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm				5.337.941.944	6.515.771.760	11.853.713.704
- Khấu hao trong kỳ				1.048.190.388	68.868.000	1.117.058.388
- Tăng khác						0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác						0
Số dư cuối kỳ				6.386.132.332	6.584.639.760	12.970.772.092
<b>Giá trị còn lại</b>				0	0	0
- Tại ngày đầu năm				2.898.997.000	103.309.000	3.002.306.000
- Tại ngày cuối kỳ				1.850.806.612	34.441.000	1.885.247.612

**07. Chi phí trả trước dài hạn**

- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ
- Chi phí thành lập doanh nghiệp
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình
- Chi phí trả trước về hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Cuối kỳ	Đầu năm
--	---------	---------

	-	-
	-	-
	-	-
	-	-
	-	-
	278.183.492	751.994.403
<b>Cộng</b>	<b>278.183.492</b>	<b>751.994.403</b>

**08. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế xuất, nhập khẩu
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất
- Các loại Thuế khác
- Các khoản phí, lệ phí và Các khoản phải nộp khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
--	---------	---------

	588.005.840	140.311.963
	0	0
	0	0
	886.348.263	852.345.415
	0	0
	0	0
	0	0
<b>Cộng</b>	<b>1.474.354.103</b>	<b>992.657.378</b>

**09. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

- a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
  - Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng
  - Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng
  - Khoản hoàn nhập tài sản Thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
--	---------	---------

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

- b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ Các khoản chênh lệch tạm thời chịu Thuế
  - Khoản hoàn nhập Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ Các năm trước
  - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
--	---------	---------

**10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

- Tiền nộp ban đầu
- Tiền nộp bổ sung

	Cuối kỳ	Đầu năm
--	---------	---------

	120.000.000	120.000.000
	5.652.288.222	5.517.310.778

- Tiền lãi phân bổ trong kỳ

2.022.959.413 704.789.661

**Cộng**

**7.795.247.635 6.342.100.439**

**11. Các khoản phải thu:**

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Tổng số	Tăng	Giảm	Tổng số
A	1	4	5	6
1. Phải thu của khách hàng	518.932.940	11.549.268.643	10.386.767.003	1.681.434.580
2. Trả trước cho người bán	100.950.000	625.651.223	577.181.018	149.420.205
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	112.266.501.340	1.396.699.271.725	1.352.477.355.525	156.488.417.540
- Phải thu về hoạt động ứng trước và GDKQ cho nhà đầu tư	97.014.101.340	1.354.318.396.624	1.352.477.355.525	98.855.142.439
- Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	0	10.780.875.101	0	10.780.875.101
- Phải thu khách hàng về mua bán chứng khoán	15.252.400.000	31.600.000.000	0	46.852.400.000
4. Thuế GTGT được khấu trừ	0	361.598.393	361.598.393	0
5. Phải thu nội bộ	0	5.082.190.685.728	5.082.190.685.728	0
6. Phải thu khác	111.010.379	160.222.825.486	155.227.158.227	5.106.677.638
Phải thu từ các hoạt động đầu tư	0			0
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	111.010.379	160.222.825.486	155.227.158.227	5.106.677.638
7. Dự phòng phải thu khó đòi	(4.575.720.000)	(6.100.960.000)		(10.676.680.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>108.421.674.659</b>	<b>6.657.750.261.198</b>	<b>6.601.220.745.894</b>	<b>152.749.269.963</b>

**12. Chi phí phải trả:**

**Cuối kỳ**

**Đầu năm**

- Trích trước chi phí card điện thoại cho CBNV

-

-

- Trích trước chi phí tiền điện

12.000.000

12.000.000

- Trích trước chi phí bảo vệ

5.082.000

5.082.000

**Cộng**

**17.082.000**

**17.082.000**

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:**

**Cuối kỳ**

**Đầu năm**

- Tài sản thừa chờ giải quyết

-

-

- Kinh phí công đoàn	88.332.750	56.315.700
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	97.640.029	109.584.079
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.646.967	7.523.226
- Doanh thu chưa thực hiện	6.060.605	61.363.637
- Hợp tác kinh doanh	0	40.000.000.000
- Đầu giá bán cổ phần	183.700.500	0
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	67.645.935	8.994.640.019
<b>Cộng</b>	<b>450.026.786</b>	<b>49.229.426.661</b>

**14. Phải trả dài hạn nội bộ:**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải trả dài hạn nội bộ khác	-	-
<b>Cộng</b>	-	-

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**1- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu Thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí Thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

**2- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ Các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

**1. Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm báo cáo:**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Việc mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính;	-	-
- Việc chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu.	-	-

**2. Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	-	-
- Các khoản khác	-	-

**VIII- Những thông tin khác**

1- Thông tin về các bên liên quan:

2- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

3- Những thông tin khác.

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**



**TUO TONG GIAM DOC**  
**KETOAN TRUONG**

**VÔ THỊ MINH NGÂN**

